

Bản án số: **19/2021/DS-ST**

Ngày: 29/3/2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thanh Rực.

2/ Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 29/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2020/TLST-DS ngày 23/11/2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-DS ngày 23/02/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

Địa chỉ: Số A đường N, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

* Người đại diện hiệp pháp: Ông Nguyễn Sĩ K, sinh năm 1979. Chuyên viên quản lý nợ. Địa chỉ: Số 30 đường T, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền ngày 24/12/2020) (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trịnh Minh K, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 06/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày: Vào ngày 27/9/2018, ông Trịnh Minh K có ký với Ngân hàng hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ JCB, số thẻ 356480-3343, hạn mức 15.000.000 đồng, ngày ký hợp đồng 27/9/2018, lãi suất áp dụng 2,5%.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Trịnh Minh K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 23.431.900 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Trịnh Minh K phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Trịnh Minh K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 12.902.000 đồng. Tổng số tiền

trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Trịnh Minh K vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Trịnh Minh K vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/01/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 18.542.905 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150 % của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ông Trịnh Minh K vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông Trịnh Minh K số tiền đến ngày 29/ 3/2021 là 28.956.697 đồng (Trong đó dư nợ là 18.542.905 đồng và lãi quá hạn là 10.413.792 đồng) và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/3/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trịnh Minh K, nhưng ông K không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án cung cấp lời khai, không đến tham dự buổi hòa giải cũng như không đến phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Trịnh Minh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông K.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 27/9/2018 ông K có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng, hạn mức tín dụng 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng 2,5%/tháng, loại thẻ JCB, số thẻ 356480-3343 (bút lục 22). Lãi được tính trên từng lần giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ông K phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông K đã thanh toán cho Ngân hàng 12.902.000 đồng (bút lục 16). Tổng số tiền trên được thanh toán theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần nhắc nhở ông K vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông K vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 23/01/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 22 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu trong thời điểm này là 18.542.905 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Nên Ngân hàng yêu cầu ông K trả số tiền tính đến ngày 29/3/2021 là 28.956.697 đồng

(Trong đó dư nợ là 18.542.905 đồng và lãi quá hạn là 10.413.792 đồng) và có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ 30/3/2021 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Xét thấy, việc ông K không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông K là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông K, có nội dung Ngân hàng khởi kiện đòi ông K trả số tiền vốn và lãi vay như trên, nhưng ông K không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện do Ngân hàng xuất trình, nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định ông K có nợ Ngân hàng số tiền 28.956.697 đồng (trong đó dư nợ là 18.542.905 đồng, và lãi quá hạn 10.413.792 đồng), nên Ngân hàng yêu cầu ông K trả số nợ nên trên phù hợp với quy định tại định tại 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, số tiền lãi theo yêu cầu nêu trên, Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu ông K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn, lãi tính đến ngày 29/3/2021 là 28.956.697 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày 30/3/2021, nếu ông Trịnh Minh K không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng, thì ông K còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông Trịnh Minh K phải chịu 1.447.834 đồng án phí sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T. Buộc bị đơn ông Trịnh Minh K trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền vốn gốc 18.542.905 đồng và lãi quá hạn 10.413.792 đồng, tổng cộng 28.956.697 đồng (Hai mươi tám triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 30/3/2021, nếu ông Trịnh Minh K không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín, thì ông Trịnh Minh K còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Minh K phải chịu 1.447.834 đồng (Một triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, tám trăm ba mươi bốn đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 616.034 đồng (Sáu trăm mười sáu nghìn không trăm ba mươi bốn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007295 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chiêm Ngọc Linh